TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**10**/2022/HS-ST
Ngày: 28-10-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lưu Tuấn Cường.**
2. Ông **Vừ A Sinh.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở, TAND huyện M, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HS, ngày 18/10/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn K;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1999, nơi sinh tại Thành phố Đ tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản N, xã X, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 12/12; Bố đẻ: Lò Văn T sinh năm 1974; Mẹ đẻ: Quàng Thị C, sinh năm 1977; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:** Họ và tên: Lò Văn T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Bản B, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Người đại diện theo uỷ quyền bị hại:** Họ và tên: Lường Thị Hình, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Bản B, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Họ và tên: Lò Văn X, sinh năm 1987, nơi cư trú: Bản Đ, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 26/7/2022 Lò Văn K đến thăm mẹ là bà Quàng Thị C đang ở nhà gia đình ông Lường Văn B, sinh năm 1964, trú tại bản B, xã M1, huyện M. Khi

đến nhà ông Bun thì K nhìn thấy cửa cổng mở, bên trong sân có 03 chiếc xe máy đang dựng ở phía bên phải. Quan sát thấy không có người, K đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy mang đi cầm cố để lấy tiền sử dụng ma tuý và tiêu sài cá nhân. K tiến đến gần vị trí 03 chiếc xe máy thì nhìn thấy có 02 chiếc xe máy đang cắm chìa khoá ở ổ khoá điện nên đã lén lút dắt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu sơn đỏ, BKS 27B1-301.00, trị giá 5.500.000 đồng thuộc sở hữu của anh Lò Văn T (con rể ông Bun) đi ra đường ngồi lên xe thả trôi dốc cách nhà gia đình ông Bun khoảng 300 mét rồi mới mở khoá nổ máy điều khiển xe đi. Sau khi trộm được xe máy K điều khiển đến cửa hiệu cầm đồ của anh Lò Văn X, thuộc bản Đ, M1 cầm cố chiếc xe cho anh X lấy được 300.000 đồng. Sau đó K đi đến đoạn đường thuộc bản N, xã N1, huyện M gặp và hỏi mua 300.000 đồng Heroine của người đàn ông dân tộc Thái không quen biết sử dụng hết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi được Công an xã Mường Đăng mời về trụ sở làm việc thì K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M, tỉnh Điện Biên đã kết luận: 01 chiếc mô tô 02 bánh, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 27B1-301.00, số máy JA36E0096611, số khung 3615EY029716, xe đã qua sử dụng, là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản tại thời điểm định giá tháng 7/2022 trị giá thành tiền VNĐ là 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 27/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện M quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Lò Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại cáo trạng số: 77/CT-VKS-MA ngày 07/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện M để xét xử bị cáo Lò Văn K về tội " Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn K về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 08 đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Trách nhiệm dân sự:**

- Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất là 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-301.00, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án buộc bị cáo trả lại số tiền 300.000 đồng cho anh Lò Văn Xôm.

*** Vật chứng của vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015: Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và chị Lường Thị Hình (vợ anh Lò Văn Thiên), sinh năm 1987, trú tại Bản Ban, xã Mường Đăng, huyện M, tỉnh Điện Biên là đại diện bị hại trong vụ án theo Quyết định xử lý vật chứng số 31/QĐXLVC, ngày 29/8/2022 (*vật chứng là 01 hiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-301.00*).

*** Án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo K phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo K thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện M, bị cáo không có tranh luận gì.

Đại diện bị hại không có yêu cầu gì thêm với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1]** Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lò Văn K đã khai và công nhận: Khoảng 12 giờ ngày 26/7/2022 lợi dụng sự thiếu cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản Lò Văn K đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe máy trị giá 5.500.000 đồng của anh Lò Văn T, trú tại bản B, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên. Mục đích K trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 77/CT-VKS-MA ngày 07/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 xe máy của gia đình anh Lò Văn Thiên, có trị giá 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Mục đích lấy trộm để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Tại Điều 173 của BLHS quy định: "1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lò Văn K về tội " trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lò Văn K là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo gây ra.

[**2**] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Hành vi phạm tội bị cáo gây ra đã làm hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho bà con nhân dân trong vùng không yên tâm làm ăn, sinh sống, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết, để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng trên địa bàn.

Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[**3**] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo K từ nhỏ sống cùng với gia đình, học hết lớp 12/12 thì nghỉ học, đến tuổi trưởng thành lao động sản xuất cùng gia đình; bản thân bị cáo chưa có tiền sự; tiền án. Bị cáo là một thanh niên, có nhận thức pháp luật nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lười lao động lại muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động nên đã cố tình đi vào con đường phạm tội trộm cắp tài sản, hơn nữa bị cáo là người nghiện sử dụng ma túy, do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51của BLHS năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào qui định tại Điều 52 BLHS.

Bị cáo Lò Văn K với nghề nghiệp làm nông nghiệp, không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

[**4**] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với Lò Văn X khi cầm cố tài sản không biết do bị cáo phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với người đàn ông dân tộc Thái mà bị cáo khai đã bán ma tuý cho bị cáo, do bị cáo không biết tên, địa chỉ người này ở đâu nên không có cơ sở để xác minh làm rõ.

[**5**] Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Buộc bị cáo trả lại cho anh X số tiền 300.000 đồng (*số tiền này do bị cáo cầm cố xe cho anh Xôm*).

- Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[**6**] Vật chứng của vụ án**:**

Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015: Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và chị Lường Thị H (vợ anh Lò Văn T), sinh năm 1987, trú tại Bản B, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên là

đại diện bị hại trong vụ án theo Quyết định xử lý vật chứng số 31/QĐXLVC, ngày 29/8/2022 (*vật chứng là 01 hiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-301.00*).

[**7**] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo K phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[**8**] Bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[**9**] Quyết định truy tố của VKSND huyện M; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[**10**] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố**: Bị cáo Lò Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lò Văn K 10 (*mười*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 27/7/2022).

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS: Chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Buộc bị cáo trả lại cho anh X số tiền 300.000 đồng (*số tiền này do bị cáo cầm cố xe cho anh Xôm*).

Kể từ ngày án có hiệu lực và anh Lò Văn Xôm có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo K chưa trả hết số tiền trên thì hằng tháng bị cáo K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015: Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và chị Lường Thị H (vợ anh Lò Văn Tsinh năm 1987, trú tại Bản B, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên là đại diện bị hại trong vụ án theo Quyết định xử lý vật chứng số 31/QĐXLVC, ngày 29/8/2022 (*vật chứng là 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-301.00*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo K phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/10/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.M;
- CQĐT Công an h.M;
- Cơ quan THAHS Công an huyện M;
- Chi cục THADS h.M;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương